

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYỀN
TỈNH QUẢNG NAM**
Bản án số: 49/2024/HSST
Ngày 23/5/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Tình và ông Nguyễn T2 Sơn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Sinh - Kiểm sát viên

Ngày 23/5/2024, tại Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HS ngày 26/4/2024, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Lê Văn N**, sinh ngày 10/4/1995 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Cơ khí; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Lê Thường (sinh năm 1963), trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế và bà Trần Thị Hát (sinh năm 1968 – đã chết). Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 anh chị em, chưa có vợ con.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 21/9/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Duy Xuyên. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Trần Văn T**, sinh ngày 15/11/2001 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Trần Văn Dũng (đã chết) và bà Trần Thị Thiều (sinh năm 1978), trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế). Bị cáo là con duy nhất trong gia đình, chưa có vợ con.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 18/9/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Duy Xuyên. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Trần Phúc Q**, sinh ngày 12/7/2000 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: lớp 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Trần Phúc Kỷ (sinh năm 1969) và bà Trần Thị Kim Anh (sinh năm 1973), cùng trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh

Thừa Thiên Huế). Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 03 anh chị em, có vợ là Lê Thị Thu Uyên (sinh năm 2002), trú tại: Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế và 01 con sinh năm 2022.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 18/9/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Duy Xuyên. Có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo **Hồ Văn T1**, sinh ngày 13/9/1999 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: lớp 07/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Hồ Duy (sinh năm 1971) và bà Nguyễn Thị Nhi (sinh năm 1971), cùng trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế). Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 03 anh em, chưa có vợ con.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 18/9/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Duy Xuyên. Có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo **Trần Quang T2**, sinh ngày 24/5/2000 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Cơ khí; Trình độ học vấn: lớp 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Trần Kỷ (sinh năm 1973) và bà Hồ Thị Như Lai (sinh năm 1974), cùng trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 02 anh em, có vợ là Nguyễn Thị Mỹ Linh (sinh năm 2001), trú tại: Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế và 01 con sinh năm 2022.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 18/9/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Duy Xuyên. Có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo **Trần Văn G**, sinh ngày 15/4/2002 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; trú tại: thôn Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động T1 do; Trình độ học vấn: lớp 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Trần Tý (đã chết) và bà Dương Thị Phương (sinh năm 1982), cùng trú tại: thôn Trạch Thượng 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình, có vợ là Hoàng Thị Kim Nhung (sinh năm 2004), chưa có con.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Duy Xuyên. Có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo **Trần Công T3**, sinh ngày 19/7/2005 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: lớp 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Trần Công Kháng (sinh năm 1969) và bà Hà Thị Tuyết NG (sinh năm 1971), cùng trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bị cáo là con út trong gia đình có 03 anh chị em, chưa có vợ con.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2024 đến ngày 22/02/2024, bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn “bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Đoàn Công Duy, sinh năm 1994,
Trú tại: thôn Đông Yên, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.
 2. Ông Phạm Văn Chiến, sinh năm 1989,
Trú tại: Ấp 2, Tân Mỹ, Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.
 3. Ông Trần Văn Duy, sinh năm 1990,
Trú tại: thôn La Châu, xã N Trung, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi.
 4. Ông Hoàng Văn Đại, sinh năm 2004,
Trú tại: thôn Bản Đông, xã Tường Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.
 5. Ông Sầm Ngọc Bắc, sinh năm 1969,
Trú tại: tổ 3, Hoà Chung, Cao Bằng, Cao Bằng.
 6. Ông La Bảo Duy, sinh năm 1982,
Trú tại: tổ 13, Sông Cầu, Bắc Kạn, Bắc Kạn.
 7. Ông Văn Thanh Sơn, sinh năm 1995,
Trú tại: KP. Xuyên Đông, TT. Nam Phước, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam.
 8. Ông Trần Nguyễn Tân Gia Long, sinh năm 2005,
Trú tại: thôn Lộc Thượng, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
 9. Ông Trần Đức Hiếu, sinh năm 1993,
Trú tại: thôn Thanh Trúc, xã Tiến Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.
 10. Ông Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1986,
Trú tại: thôn Tây Sơn, xã Đình Bàn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà T3.
 11. Ông Bùi Văn Trường, sinh năm 1982,
Trú tại: thôn Mậu Chữ, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.
 12. Ông Nguyễn Q Khánh, sinh năm 1980,
Trú tại: thôn Quyết Thắng, xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà T3.
 13. Ông Lê Sỹ Nhị, sinh năm 1971,
Trú tại: xóm Tây Hồ, xã Thuận Thiện, huyện Can Lộc, tỉnh Hà T3.
 14. Ông Lê Trọng Thuỷ, sinh năm 1988,
Trú tại: thôn Quang Châu, xã Hoà Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.
 15. Ông Nguyễn Trần Nhật Lâm, sinh năm 1996,
Trú tại: TDP 5, xã Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.
- *Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án:*
Bà Trần Thị Kim Anh, sinh năm 1973,
Trú tại: thôn Thượng An 2, xã Phong An, Phong Điền, Thừa Thiên Huế.
(tất cả đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân, từ năm 2022 đến tháng 9/2023, Lê Văn N lên mạng internet tìm mua tài khoản ngân hàng AB Bank tên VO QUYNH VAN số 0291019650042 và tài khoản ngân hàng TP Bank số 10344560444 tên LY THI NGOC để nhận tiền và hưởng lợi từ việc hợp thức hóa nguồn tiền cho các đối tượng lừa đảo. Do biết Lê Văn N có cho mượn tài khoản ngân hàng để nhận tiền lừa đảo để hưởng lợi, Trần Văn T, Trần Phúc Q, Trần Quang T2, Trần Văn G, Trần Công T3 đã bàn bạc, thoả thuận thống nhất trước với Lê Văn N, sau khi lừa được

các bị hại thì T, Q, T2, G và T3 yêu cầu bị hại chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng AB Bank tên VO QUYNH VAN số 0291019650042 và tài khoản ngân hàng TP Bank số 10344560444 tên LY THI NGOC do Lê Văn N quản lý. Khi bị hại chuyển tiền vào thì T, Q, T2, G và T3 chuyển ảnh chụp giao dịch chuyển tiền đến tài khoản zalo “Hoàng Kim Yến” của N để N xác nhận. Lê Văn N thoả thuận với Trần Văn T, Trần Phúc Q, Trần Quang T2, Trần Văn G, Trần Công T3, sau khi nhận được số tiền chiếm đoạt được từ người bị hại, N T1 tính toán và chuyển lại 90% trên tổng số tiền mà T, Q, T2, G và T3 chiếm đoạt được cho T, Q, T2, G và T3, N hưởng lợi 10%. Cũng trong khoảng thời gian đó, Trần Quang T2 bàn bạc, thống nhất với Hồ Văn T1, sau khi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại, T2 yêu cầu bị hại chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng SeA Bank tên NGUYEN VAN NGOC số 000008325954 do T1 quản lý, sau khi bị hại chuyển tiền xong, T2 nhắn hình ảnh chuyển tiền từ bị hại đến tài khoản Zalo tên “Bé Ly” cho T1. T1 và Trường thoả thuận, T2 hưởng lợi 90%, T1 hưởng lợi 10% trên tổng số tiền bị hại chuyển vào tài khoản của T1.

Qua điều tra, quá trình lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Văn N, Trần Văn T, Trần Phúc Q, Hồ Văn T1, Trần Quang T2, Trần Văn G, Trần Công T3, theo từng hành vi của mỗi người tương ứng với từng hình thức lừa đảo, cụ thể như sau:

***Đối với Trần Văn T:** Bắt đầu từ đầu năm 2023 đến tháng 9/2023, để thực hiện hành vi Trần Văn T tạo trang fanpage đại lý bán xe máy tên “Võ Quỳnh Vân” có địa chỉ tại 56 Hồ Đắc Di, An Cựu, TP Huế, T lên mạng internet tải hình ảnh xe máy, đăng tải nội dung xe cần bán không có thật, kèm giá tiền đăng lên bảng tin và số điện thoại liên lạc 0363122794 để bị hại liên hệ. Khi bị hại có nhu cầu mua xe thì kết bạn zalo với số 0363122794 nicknam “Võ Quỳnh Vân”, T tư vấn loại, giá xe, khi người mua xe tin tưởng thì T bắt đầu đưa ra các khoản phí như sau: phí làm giấy tờ 600.000 đồng, tiếp theo phí gửi xe tương ứng với 20% giá trị xe, giao xe phải chuyển hết số tiền còn lại. T yêu cầu bị hại chuyển tiền đến tài khoản AB Bank VO QUYNH VAN (do Lê Văn N giữ), sau đó N dùng tài khoản AB Bank VO QUYNH VAN để chuyển khoản đến tài khoản Sacombank mang tên là TRAN VAN TUAN với mức thực nhận 90%, N được hưởng 10% trên tổng số tiền bị hại chuyển vào. Sau khi thực hiện hành vi lừa đảo xong, hoặc bị bị hại phát hiện, T chặn và cắt đứt liên lạc với bị hại. Cụ thể: với cách thức trên, Trần Văn T 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại: ngày 08/9/2023 đến ngày 10/9/2023, Trần Văn T chiếm đoạt tài sản của ông Đoàn Công Duy (sinh năm 13/6/1994, trú *Thôn Đông Yên, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam*) số tiền 2.600.000 đồng; ngày 30/3/2023 đến ngày 1/4/2023, T chiếm đoạt tài sản của ông Phạm Văn Chiến (sinh năm 1/1/1989, trú *Ấp 2, xã Tân Mỹ, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp*) số tiền 9.500.000 đồng; ngày 23/8/2023 đến ngày 24/8/2023, Trần Văn T chiếm đoạt của ông Trần Văn Duy (sinh năm 22/10/1990, trú *thôn La Châu, xã N Trung, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi*) bị chiếm đoạt số tiền 2.600.000 đồng. Tổng số tiền T chiếm đoạt được của bị hại là **14.700.000 đồng**, tổng số tiền thu lợi bất chính tương ứng với 90% là **13.230.000 đồng**, N hưởng 10% số tiền **1.470.000 đồng**.

*** Đối với Trần Phúc Q:** Từ năm 2022 đến tháng 9/2023, để thực hiện ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, Trần Phúc Q tạo trang fanpage

“Mua bán xe 24h”, Q đăng tải các mẫu xe máy giá rẻ không có thật để bị hại có nhu cầu mua xe thì lựa chọn với số tiền từ 3.500.000 đồng đến 16.000.000 đồng tùy theo loại xe, đồng thời đăng kèm số điện thoại 0945157426 liên kết đến tài khoản Zalo tên “Võ Quỳnh Văn”. Khi bị hại liên lạc với Q, Q yêu cầu chuyển số tiền 500.000 đồng, yêu cầu bị hại chụp căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân gửi qua để làm thủ tục cà vẹt và biển số xe. Sau khi bị hại chuyển tiền, và gửi thông tin cá nhân cho Q, Q lấy hình ảnh giả trên mạng là đã đóng thùng gửi xe đi nên yêu cầu bị hại chuyển khoản thêm số tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng tùy theo giá xe bị hại chọn. Q yêu cầu chụp ảnh màn hình hóa đơn chuyển tiền gửi qua zalo. Tiếp đó, Q liên lạc bị hại đưa ra thông tin giả xe vận chuyển bị tai nạn rồi yêu cầu bị hại phải chuyển thêm số tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng để làm thủ tục lấy xe. Sau khi chiếm đoạt được tiền của bị hại, Q chặn liên lạc. Q yêu cầu bị hại chuyển tiền đến tài khoản AB Bank tên VO QUYNH VAN (do Lê Văn N giữ), sau khi bị hại chuyển hình ảnh chuyển tiền qua zalo “Võ Quỳnh Văn” của Q, Q chuyển cho N như đã bàn trước đó. N dùng tài khoản AB Bank tên VO QUYNH VAN để chuyển khoản đến tài khoản Sacombank tên TRAN PHUC QUOC, Q hưởng 90%, N hưởng 10% trên tổng số tiền bị hại chuyển vào. Với cách thức trên, ngày 01/8/2023 đến ngày 04/8/2023, Trần Phúc Q lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Hoàng Văn Đại (sinh năm 25/4/2004, trú thôn Bản Đông, xã Tường Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La) số tiền 6.000.000 đồng; ngày 11/8/2023 đến ngày 12/8/2023, Q chiếm đoạt tài sản của ông Sầm Ngọc Bắc (sinh năm 12/8/1969, trú Tổ 3, phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) số tiền 3.500.000 đồng; ngày 10/5/2023 chiếm đoạt của ông La Bảo Duy (sinh năm 20/11/1982, trú Tổ 13, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn) số tiền 5.000.000 đồng. Tổng số tiền Q chiếm đoạt được của bị hại là **14.500.000 đồng**, tổng số tiền thu lợi bất chính tương ứng với 90% là **13.050.000 đồng**, N hưởng lợi 10% số tiền 1.450.000 đồng.

***Đối với Trần Quang T2:** Từ năm 2022 đến tháng 09/2023, để thực hiện ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, Trần Quang T2 với cách thức rao bán xe máy giá rẻ không có thật trên các fanpage “Shop xe Huế”, “Slon Huế”, T2 gắn kèm theo các số điện thoại 0842354589, 0944796834, 0878761004, trong đó số 0842354589 đăng ký Zalo tên “Văn Phương”, số 0944796834 đăng ký Zalo tên “Phương Mai” để liên lạc với bị hại. Khi bị hại liên hệ mua xe, T2 yêu cầu người mua xe cần phải gửi thông tin cá nhân, kèm hình ảnh xe muốn mua cho T2. Sau đó, T2 yêu cầu bị hại đóng 600.000 đồng làm phí giấy tờ, đồng thời yêu cầu bị hại chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng AB Bank VO QUYNH VAN số 0291019650042, tài khoản ngân hàng TP Bank số 10344560444 tên LY THI NGOC do N quản lý hoặc tài khoản ngân hàng SeaBank tên NGUYEN VAN NGOC số 000008325954 do Hồ Văn T1 quản lý. Sau khi bị hại chuyển tiền xong, T2 tiếp tục dùng lời lẽ giả dối tạo lòng tin cho bị hại, tiếp tục yêu cầu bị hại phải đóng thêm phí vận chuyển từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng tùy vào loại xe. T2 lấy thêm các lí do bị cơ quan chức năng kiểm tra nên cần thêm tiền để xử lý. Sau khi bị hại chuyển tiền xong, T2 chặn liên lạc với bị hại. Số tiền chiếm đoạt của bị hại, Hồ Văn T1 chuyển lại cho Trần Quang T2 90%, T1 hưởng 10% như đã thỏa thuận trước đó.

Với cách thức như trên, ngày 11/9/2023 đến ngày 13/9/2023, Trần Quang T2 đã chiếm đoạt tài sản của Văn Thanh Sơn (*sinh năm 4/10/1995, trú KP Xuyên Đông, thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam*) bị chiếm đoạt số tiền 2.100.000 đồng Trần Quang T2. Trong đó, T2 cùng với Hồ Văn T1 chiếm đoạt số tiền 600.000 đồng, T2 cùng với Lê Văn N chiếm đoạt số tiền 1.500.000 đồng. Ngày 26/4/2023 đến ngày 28/4/2023, Trần Quang T2 cùng với Lê Văn N chiếm đoạt của ông Trần Nguyễn Tân Gia Long (*sinh năm 12/5/2005, trú thôn Lộc Thượng, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam*) số tiền 10.600.000 đồng. Ngày 23/8/2023 đến ngày 25/8/2023, Trần Quang T2 cùng với Hồ Văn T1 chiếm đoạt của ông Trần Đức Hiếu (*sinh năm 6/9/1993, trú thôn Thanh Trúc, xã Tiến Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình*) bị chiếm đoạt số tiền 3.600.000 đồng. Số tiền Trần Quang T2 hưởng lợi 14.670.000 đồng, số tiền Hồ văn T1 hưởng lợi là 420.000 đồng, N hưởng lợi 1.201.000 đồng.

***Đối với Hồ Văn T1:** Từ năm 2022 đến tháng 9/2023, Hồ Văn T1 nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng cách thức lập trang fanpage “*Nguyễn Văn Ngọc*”, “*Xe Máy Văn Ngọc*” để đăng thông tin bán máy rẻ chiếm đoạt của nhiều bị hại trên nhiều tỉnh thành. Với cách thức tương T1 Trần Quang T2, Hồ Văn T1 tạo lòng tin với bị hại, yêu cầu bị hại chuyển phí làm hồ sơ 600.000 đồng vào tài khoản ngân hàng SeaBank tên NGUYEN VAN NGOC số 000008325954 do Hồ Văn T1 quản lý. Sau khi bị hại chuyển tiền xong, T1 tiếp tục yêu cầu bị hại phải đóng thêm phí vận chuyển từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng tùy vào loại xe. Ngoài ra, T2 hợp bị hại tin tưởng, T1 lấy thêm lí do bị cơ quan chức năng kiểm tra nên cần thêm tiền để xử lý. Với cách thức trên, Hồ Văn T1 03 lần có hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại: ngày 24/4/2023 đến ngày 27/4/2024, chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Tuấn (*sinh năm 11/06/1986, trú thôn Tây Sơn, xã Đình Bàn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà T3*) số tiền 6.100.000 đồng; ngày 31/3/2023, chiếm đoạt của ông Bùi Văn Trường (*sinh năm 27/10/1982, trú thôn Mậu Chủ, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam*) số tiền 3.600.000 đồng; ngày 23/5/2023, chiếm đoạt của ông Nguyễn Q Khánh (*sinh năm 11/2/1980, trú thôn Quyết Thắng, xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà T3*) số tiền 600.000 đồng. Cũng trong khoảng thời gian đó, Hồ Văn T1 đồng phạm với Trần Quang T2 chiếm đoạt tổng số tiền 4.200.000 đồng (trong đó, bị hại Văn Thanh Sơn số tiền 600.000 đồng, bị hại Trần Đức Hiếu số tiền 3.600.000 đồng).

***Đối với Trần Văn G:** Vào khoảng tháng 6/2023 đến tháng 09/2023, Trần Văn G nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức môi giới “*tuyển phi công trẻ cho máy bay bà già*” lừa người khác cọc, chuyển tiền nhưng không cung cấp dịch vụ theo hứa hẹn rồi chiếm đoạt. Để thực hiện ý định của mình, G lập một trang Fanpage có tên “*MBBG VÕ VÂN QUỲNH*” là người môi giới tìm “*phi công*”- *người tình* cho “*các quý bà*” và lập Zalo tên “*Khả Hân*” là quý bà cần tìm người tình rồi đăng quảng cáo để tiếp cận nhiều người với nội dung: “*Dịch vụ môi giới máy bay bà già kính chào quý khách, tuyển phi công yêu cầu cung cấp: SĐT+ địa chỉ + hình ảnh rõ mặt, phí môi giới và thủ tục: 300.000Đ, xong việc Máy bay sẽ bồi dưỡng 10-15 triệu tiền mặt*”. Sau khi bị hại nhắn tin đến, G yêu cầu đóng khoản phí 300.000 đồng đến tài khoản ngân hàng AB Bank tên VO QUYNH VAN (*tài khoản do Lê Văn N giữ*) mới được môi giới dịch vụ. G giới

thiệt Zalo “*Khả Hân*” là quý bà cần tìm “*phi công*” cho bị hại. G sử dụng tài khoản zalo này yêu cầu bị hại liên hệ môi giới để đặt phòng, giá đặt phòng là 1.500.000 đồng – 4.500.000 đồng. G tiếp tục yêu cầu bị hại phải có “*bằng lái*”, chuyển cho G số tiền 2.000.000 đồng để làm “*bằng lái*”, nếu bị hại tin tưởng chuyển tiền làm bằng lái thì G sẽ tiếp tục yêu cầu thêm các khoản phí khác. Sau khi chiếm đoạt tài sản của bị hại, G chặn Zalo, Facebook cắt mọi liên lạc. Số tiền lừa đảo được đều chuyển khoản đến tài khoản AB Bank tên VO QUYNH VAN do N quản lý. Sau đó, N dùng tài khoản AB Bank tên VO QUYNH VAN để chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng MB Bank tên TRAN VAN G 90%, N hưởng 10% tổng số tiền G chiếm đoạt của bị hại.

Với cách thức trên, Trần Văn G cùng với Lê Văn N đã 02 lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại: ngày 31/8/2023 đến ngày 1/9/2023, G và N chiếm đoạt của bị hại Lê Trọng Thủy (*sinh năm 04/3/1988, trú thôn Quang Châu, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*) số tiền 2.600.000 đồng. Ngày 19/8/2023 đến ngày 3/9/2023, G và N chiếm đoạt của ông Nguyễn Trần Nhật Lâm (*sinh năm 27/7/1996, trú TDP 5, Khâm Đức, Phước Sơn, Quảng Nam*) bị chiếm đoạt số tiền 10.300.000 đồng. Tổng số tiền, G và N chiếm đoạt được là 12.900.000 đồng, G hưởng lợi 90% tương ứng với số tiền 11.610.000 đồng, N hưởng lợi 10% tương ứng với số tiền 1.290.000 đồng.

***Đối với Trần Công T3:** Từ đầu năm 2023 đến tháng 09/2023, cũng với cách thức tương T1 như Trần Văn G, ngày 23/8/2023 đến ngày 25/8/2023, Trần Công T3 và Lê Văn N chiếm đoạt của ông Lê Sỹ Nhị (*sinh năm 21/9/1971, trú xóm Tây Hồ, xã Thuận Thiện, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh*) số tiền 10.800.000 đồng (trong đó 300.000Đ tiền thẻ cào viettel chuyển trực tiếp cho T3, 10.500.000Đ chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng AB Bank VO QUYNH VAN số 0291019650042). T3 hưởng lợi số tiền là **9.750.000 đồng**, N hưởng số tiền tương ứng với 10% với 1.050.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn N, Trần Văn T, Trần Phúc Q, Hồ Văn T1, Trần Quang T2, Trần Văn G và Trần Công T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSDX-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên đã truy tố: Lê Văn N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; Trần Văn T, Trần Phúc Q, Trần Quang T2, Hồ Văn T1, Trần Văn G và Trần Công T3 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt **Lê Văn N** từ 24 đến 30 tháng tù;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt **Trần Văn T** từ 15 đến 18 tháng tù;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt **Trần Phúc Q** từ 15 đến 18 tháng tù;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt **Trần Quang T2** từ 15 đến 18 tháng tù;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt **Hồ Văn T1** từ 18 đến 24 tháng tù;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt **Trần Văn G** từ 12 đến 15 tháng tù;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 BLHS năm 2015 xử phạt **Trần Công T3** từ 12 đến 15 tháng tù; nhưng cho hưởng án treo

Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Lê Văn N, Trần Văn T, Trần Phúc Q, Hồ Văn T1, Trần Quang T2, Trần Văn G và Trần Công T3 thừa nhận cáo trạng truy tố hành vi lừa đảo của các bị cáo là đúng. Các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Các bị cáo ăn năn hối hận và xin giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại hồ sơ thể hiện tất cả bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Phân tích những chứng cứ xác định có tội:*

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định:

Vì muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân, Lê Văn N cùng với Trần Văn T, Trần Phúc Q, Trần Quang T2, Trần Văn G và Trần Công T3 có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền 65.000.000 đồng. Trong đó:

- Trần Quang T2 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền 16.300.000 đồng. Trong đó, T2 cùng với Lê Văn N chiếm đoạt số tiền 12.100.000 đồng, T2 cùng với Hồ Văn T1 chiếm đoạt 4.200.000 đồng.

- Trần Văn T cùng Lê Văn N với 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 14.700.000 đồng.

- Trần Phúc Q cùng Lê Văn N với 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền là 14.500.000 đồng.

- Trần Văn G cùng với Lê Văn N 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền 12.900.000 đồng.

- Trần Công T3 cùng với Lê Văn N 01 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người với tổng số tiền 10.800.000 đồng

Hồ Văn T1 03 lần trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác với số tiền 10.300.000 đồng và cùng với Trần Quang T2 chiếm đoạt số tiền 4.200.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã có sự bàn bạc, thống nhất, phân công vai trò cụ thể nên các bị cáo phạm tội thuộc T2 hợp có tổ chức theo điểm a khoản 2 Điều 174 BLHS. Số tiền chiếm đoạt được của bị cáo Lê Văn N là 65.000.000 đồng nên bị cáo N thuộc T2 hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS.

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn N phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015; các bị cáo Trần Văn T, Trần Phúc Q, Hồ Văn T1, Trần Quang T2, Trần Văn G và Trần Công T3 phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 và cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên là có căn cứ.

[2] *Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng trật T1 an toàn xã hội. Do đó, cần xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Lê Văn N, Trần Văn T, Trần Phúc Q, Trần Quang T2, Hồ Văn T1, Trần Văn G bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Lê Văn N, Trần Văn T, Trần Phúc Q, Trần Quang T2, Hồ Văn T1, Trần Văn G và Trần Công T3 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*T1 nguyện bồi thường thiệt hại*” và “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Lê Văn N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*đầu thú*”, “*người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt*” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Trần Quang T2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Gia đình có công với cách mạng*”, “*người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt*” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Trần Phúc Q được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Gia đình có công với cách mạng*”, bị cáo “*tham gia chốt phòng, chống dịch covid-19 trên địa bàn huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2021*”, “*người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt*” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Bị cáo Trần Văn T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt*” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Trần Công T3 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, việc cho bị cáo T3 hưởng án treo không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội

mà giao về cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Đối với các bị cáo Trần Công T3, Trần Phúc Q, Lê Văn N đã bồi thường cho các bị hại: Lê Sỹ Nhị, Sầm Ngọc Bắc, Hoàng Văn Đại, vào Chi cục thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên. Các bị hại còn lại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng:

* Tại phiên tòa bị cáo Lê văn N xin được nhận lại số tiền đã nộp 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, số tiền thu lợi bất chính của bị cáo N 6.500.000 đồng đã được các bị cáo khác T1 nguyện nộp luôn cho bị cáo N để đảm bảo thi hành án, nên trả lại cho bị cáo N là phù hợp.

* *Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước vật chứng các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội:*

- 01 (Một) điện thoại di động Iphone 11 màu đen; 01 (Một) điện thoại di động Nokia màu đen; 01 (Một) bộ PC máy tính gồm 01 màn hình, 01 CPU, 01 bàn phím của Trần Văn T.

- 01 (Một) điện thoại di động Iphone 14 Pro Max màu tím và 01 máy tính của Trần Phúc Q.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A16k màu xanh của Lê Văn N.

- 01 (Một) máy tính xách tay (*laptop*) hiệu DELL màu đen, 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA 105 có số IMEI 1: 350078311253837 và 01 (Một) điện thoại hiệu Samsung Galaxy Note 10+ có số IMEI 1: 351526280139345 của Trần Quang T2.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng hồng có số IMEI: 355705070115364, 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max có số IMEI 1: 356713112710700, 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen có số IMEI 1: 353102112000994 của Hồ Văn T1, 01 máy tính xách tay.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max màu đen của Trần Công T3.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu đen của Trần Văn G.

* *Tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng:* 01 (Một) thẻ ngân hàng MB Bank có số seri 408941048321954 tên Hồ Văn T1, 01 (Một) thẻ ngân hàng Sacombank có số seri 9704031330849519 tên Hồ Văn T1; 01 (Một) thẻ nhựa ngân hàng MB Bank tên TRAN VAN G số 4089 0410 8911 0282. Các sim số: 0363122794, 0878761004, 0944796834, 0766606175, 0568736398, 0333101161, 0889254148, 0363717665, 0977178175. 01 (Một) thẻ sim có số seri: 089840200011288940644.

[5] Các vấn đề có liên quan:

- Đối với Võ Quỳnh Vân (sinh năm 12/8/1986 trú xã Sơn Long, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà T3) chủ tài khoản ngân hàng AB Bank VO QUYNH VAN số 0291019650042, qua điều tra xác minh tại Công an xã Sơn Long xác định không có thông tin cư trú của Võ Quỳnh Vân.

- Đối với Lý Thị Ngọc (sinh năm 11/12/2003 trú xã Quang Trung, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn) chủ tài khoản ngân hàng TP Bank số 10344560444 tên LY THI NGOC, qua điều tra, xác minh Lý Thị Ngọc vắng mặt tại địa phương nên không làm việc.

- Đối với Nguyễn Văn Ngọc (trú xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang) chủ tài khoản ngân hàng SeaBank tên NGUYEN VAN NGOC số 000008325954, qua điều tra xác minh, Công an xã Xương Lâm xác định không có thông tin cư trú của Nguyễn Văn Ngọc.

- Đối với người bán các tài khoản ngân hàng AB Bank VO QUYNH VAN số 0291019650042, tài khoản ngân hàng SeaBank tên NGUYEN VAN NGOC số 000008325954 và tài khoản ngân hàng TP Bank số 10344560444 tên LY THI NGOC cho Lê Văn N, Hồ Văn T1 mọi giao dịch mua bán diễn ra trên mạng internet không còn lưu giữ tài liệu gì nên không có cơ sở để xác minh, điều tra, xử lý.

- Qua uỷ thác điều tra, xác minh những tài khoản có giao dịch với các tài khoản ngân hàng AB Bank VO QUYNH VAN số 0291019650042, tài khoản ngân hàng SeaBank tên NGUYEN VAN NGOC số 000008325954 và tài khoản ngân hàng TP Bank số 10344560444 tên LY THI NGOC: ông Nguyễn Văn Đây (sinh năm 1985 trú khu 3, Tuần Châu, Hạ Long, Quảng Ninh), ông Nguyễn Tấn Trà (sinh năm 1979 trú thôn Thạch Nội, Tịnh Trà, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi), ông Đoàn Văn Khánh (sinh năm 1993 trú thôn Văn Hưng, Cát Thịnh, Văn Chấn, Yên Bái), ông Nguyễn Thanh Duy (sinh năm 1995 trú thôn Thọ Nam, Tịnh Sơn, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi), bà Nguyễn Thị Oanh (sinh năm 1985 trú Khu vực 1, Phường 3, Vị Thanh, Hậu Giang), ông Nguyễn Minh Khang (trú Ấp Đông Mỹ, Trần Thới, Cái Nước, Cà Mau), bà Nguyễn Thị Thu Hiền (sinh năm 1996 trú thôn 4, Đức Chánh, Mộ Đức, Quảng Ngãi), Giàng Seo Cầu (sinh năm 2007 trú xã Cán Cấu, Si Ma Cai, Lào Cai), ông Nguyễn Thạch (sinh năm 2002 trú thôn Thọ Ninh, Liên Minh, Đức Thọ, Hà T3), ông Đàm Văn Thuyền (sinh năm 1992 trú xóm Pác Bó, Dân Chủ, Hòa An, Cao Bằng), bà Nguyễn Thị Thu Lan (sinh năm 1978 trú Khóm Bắc Sơn, Núi Sập, Thoại Sơn, An Giang), ông Nguyễn Thanh Phú (sinh năm 1999, trú Tân Đà, Tân Hội, Đức Trọng, Lâm Đồng), ông Nguyễn Hồng Sơn (sinh năm 1991, trú xóm Bó Ân, Hùng Tiến, Nam Đàn, Nghệ An), ông Quách Văn Đê (sinh năm 1997, trú ấp Vĩnh Thanh, Vĩnh Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng), ông Quàng Văn Buôn (sinh năm 2002, trú Noong Hẻo, Sìn Hồ, Lai Châu), ông Lò Văn Ngừa (sinh năm 1998, trú Bản Can Hồ, Lũng Tháng, Sìn Hồ, Lai Châu), ông Võ Duy Thanh (sinh năm 1988, trú khu phố Lại Khánh Nam, Hoài Đức, Hoài Nhơn, Bình Định), ông Nguyễn Văn Toàn (sinh năm 2002, trú làng Cót, Kon Chiêng, Mang Yang, Gia Lai), ông Nguyễn Nhựt Duy (sinh năm 1997, trú Ấp 4, Phong Thạnh A, Giá Rai, Bạc Liêu), Hồ Q Nam (sinh năm 1996, trú thôn 1, Ea Hu, Cư Kuin, Đắk Lắk), bà Nguyễn Thị Lân (trú Quỳnh Lập, Hoàng Mai, Nghệ An), ông Nguyễn Văn Được (trú Ấp 4, Xuân Thới Thượng, Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh), ông Phan Trọng Tài (sinh năm 1986, trú Tân Thành, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk), bà Trần Anh Thơ (sinh năm 1997, trú Văn Tiến, Yên Lạc, Vĩnh Phúc), bà Trần Thị Minh (sinh năm 1988 trú Trung Nguyên, Yên Lạc, Vĩnh Phúc), bà Nguyễn Dương Thu Thủy (trú 61 Chương Dương, tổ 3, Khu vực 1, Nguyễn Văn Cừ, Quy Nhơn, Bình Định) qua xác

minh, hiện không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu làm gì. Ông Nguyễn Đức Vương (sinh năm 1990, trú Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam) qua xác minh tại địa phương không rõ nhân thân, lai lịch.

- Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh (sinh năm 1981, trú TDP 5, Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình), ông Vũ Văn Cao (sinh năm 1995, trú Xã Dray Bhang, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk), Nguyễn Hồng Cường (sinh năm 1963, trú tổ 7, Long Biên, Long Biên, TP Hà Nội), bà Trần Thị Hiệp (sinh năm 1984, trú thôn Ngọc Hiệp, Đắk Dục, Ngọc Hoi, Kon Tum), bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt (sinh năm 1986, trú KV Phú Lợi, Tân Phú, Cái Răng, Cần Thơ), ông Vi Văn Năm (sinh năm 1997, trú thôn Hợp Nhất, Lâm Sơn, Chi Lăng, Lạng Sơn), ông Nguyễn Tiến Duy (sinh năm 1981 trú TDP An Bàng, Sông Vệ, Tư N, Quảng Ngãi), bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên (sinh năm 1996, trú Ấp 2, Lạc An, Bắc Tân Uyên, Bình Dương), ông Nguyễn Thị Bích Huyền (sinh năm 1985, trú Ấp Mỹ Đa, Mỹ Hạnh Trung, Cai Lậy, Tiền Giang), ông Lê Thanh Toàn (sinh năm 1981 trú Ấp Vĩnh Khánh 1, Vĩnh Xuân, Trà Ôn, Vĩnh Long), bà Nguyễn Thị Kiều Trang (sinh năm 1976, trú thôn 5, Eahu, Cư Kuin, Đắk Lắk), ông Hồ T Anh (sinh năm 1977, trú Khóm Vĩnh Đông, Núi Sam, Châu Đốc, An Giang), bà Bùi Nguyễn Ngọc Ánh (sinh năm 2004, trú Thôn 5, Ea Hu, Cư Kuin, Đắk Lắk), ông Mang Văn Cường (sinh năm 1985, trú Bình N, Bắc Sơn, Thuận Bắc, Ninh Thuận), ông Nguyễn Xuân Nam (sinh năm 1985, trú thôn 10, Long Sơn, Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu), ông Bùi Nhật Đăng (sinh năm 1977, trú Ấp Thuận Hòa, Bình Sơn, Hòn Đất, Kiên Giang), ông Nguyễn Hoàng Sơn (sinh năm 1983 trú Ấp Hiệp Phú, Nhị Long Phú, Càng Long, Trà Vinh), qua xác minh, những người này không nhớ nội dung chuyển tiền vào việc gì và từ chối làm việc, không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Trong vụ án này, ngoài thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại như đã nêu trên, các bị cáo khai nhiều lần khác thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều người khác nhưng không nhớ lai lịch cụ thể của những người này; đồng thời, cơ quan điều tra đã tiến hành thông báo tìm kiếm bị hại nhưng chưa có kết quả nên tiếp tục điều tra xử lý sau.

[6] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Duy Xuyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình T1, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội buộc các bị cáo Lê Văn N, Trần Văn T, Trần Phúc Q, Hồ Văn T1, Trần Quang T2, Trần Văn G và Trần Công T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn N, Trần Văn T, Trần Phúc Q, Hồ Văn T1, Trần Quang T2, Trần Văn G và Trần Công T3 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2/ Hình phạt:

- *Đối với bị cáo Lê Văn N:*

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt Lê Văn N 24 (hai bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 21/9/2023).

- *Đối với bị cáo Trần Văn T:*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt Trần Văn T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 18/9/2023).

- *Đối với bị cáo Trần Phúc Q:*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt Trần Phúc Q 15 (mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 18/9/2023).

- *Đối với bị cáo Hồ Văn T1:*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt Hồ Văn T1 18 (mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 18/9/2023).

- *Đối với bị cáo Trần Quang T2:*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt Trần Quang T2 15 (mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 18/9/2023).

- *Đối với bị cáo Trần Văn G:*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt Trần Văn G 12 (mười hai). Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 09/01/2024).

- *Đối với bị cáo Trần Công T3:*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 BLHS năm 2015 xử phạt Trần Công T3 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/5/2024).

Giao bị cáo cho UBND xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong giám sát, giáo dục bị cáo.

T2 hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm N vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp

hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. T2 hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 của Bộ luật này.

3/ Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Công T3 nộp số tiền bồi thường cho bị hại Lê Sỹ Nhị 10.800.000 đồng theo biên lai thu số 7556 ngày 20/02/2024. Bị cáo Trần Phúc Q nộp số tiền bồi thường cho bị hại Sầm Ngọc Bắc 3.600.000 đồng theo biên lai thu số 7559 ngày 23/02/2024. Bị cáo Trần Phúc Q và bị cáo Lê Văn N nộp số tiền bồi thường cho bị hại Hoàng Văn Đại 6.000.000 đồng theo biên lai thu số 7558 ngày 23/02/2024, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

4/ Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS

** Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước vật chứng các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội:*

- 01 (Một) điện thoại di động Iphone 11 màu đen; 01 (Một) điện thoại di động Nokia màu đen; 01 (Một) bộ PC máy tính gồm 01 màn hình, 01 CPU, 01 bàn phím của Trần Văn T.

- 01 (Một) điện thoại di động Iphone 14 Pro Max màu tím và 01 bộ PC máy tính gồm: (01 màn hình, 01 CPU, 01 bàn phím) của Trần Phúc Q.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A16k màu xanh của Lê Văn N.

- 01 (Một) máy tính xách tay (*laptop*) hiệu DELL màu đen, 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA 105 có số IMEI 1: 350078311253837 và 01 (Một) điện thoại hiệu Samsung Galaxy Note 10+ có số IMEI 1: 351526280139345 của Trần Quang T2.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng hồng có số IMEI: 355705070115364, 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max có số IMEI 1: 356713112710700, 01 (Một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen có số IMEI 1: 353102112000994 của Hồ Văn T1.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max màu đen của Trần Công T3.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu đen của Trần Văn G.

** Tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng:* 01 (Một) thẻ ngân hàng MB Bank có số seri 408941048321954 tên Hồ Văn T1, 01 (Một) thẻ ngân hàng Sacombank có số seri 9704031330849519 tên Hồ Văn T1; 01 (Một) thẻ nhựa ngân hàng MB Bank tên TRAN VAN G số 4089 0410 8911 0282. Các sim số: 0363122794, 0878761004, 0944796834, 0766606175, 0568736398, 0333101161, 0889254148, 0363717665, 0977178175. 01 (Một) thẻ sim có số seri: 089840200011288940644.

** Trả lại vật chứng không liên quan đến việc phạm tội:*

- Trả cho bị cáo Lê Văn N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đã nộp vào tài khoản số 3949.0.1052650 00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên tại kho bạc Nhà nước huyện Duy Xuyên.

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên quản lý)

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án, xử buộc các bị

cáo Lê Văn N, Trần Văn T, Trần Phúc Q, Hồ Văn T1, Trần Quang T2, Trần Văn G và Trần Công T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

T2 hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T1 nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo có quyền kháng cáo bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Duy Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên;
- Bị cáo, những người TGT khác;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VP công an huyện Duy Xuyên;
- Lưu HS-AV.

Nguyễn Minh Q